

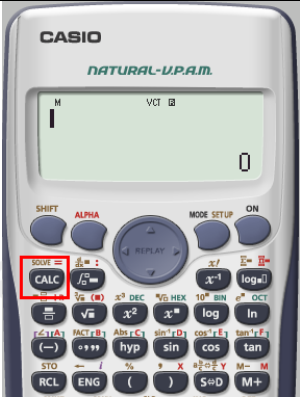
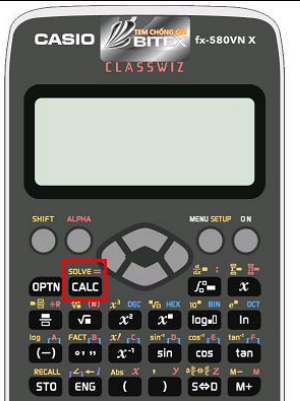
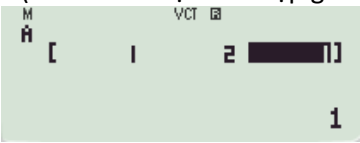



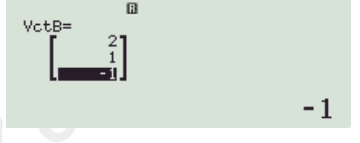
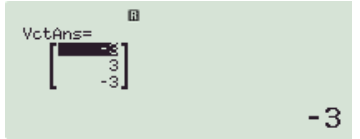
SO SÁNH CÁCH ẤN CÁC TÍNH NĂNG TRÊN FX 570 VN PLUS VÀ 580 VN X


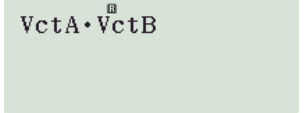
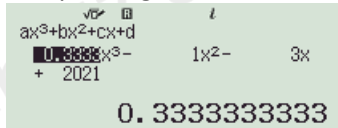

(máy VINACAL 570 ES PLUS II dùng tương tự FX 570 VN PLUS nên không đề cập trong tài liệu này)

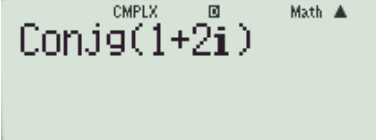

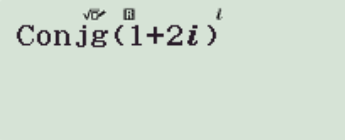


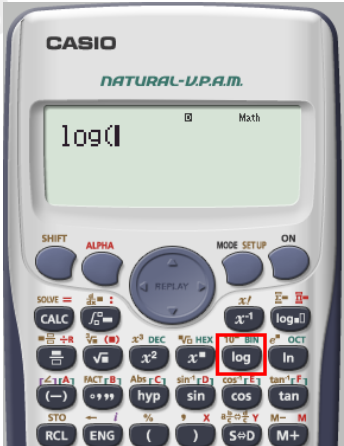


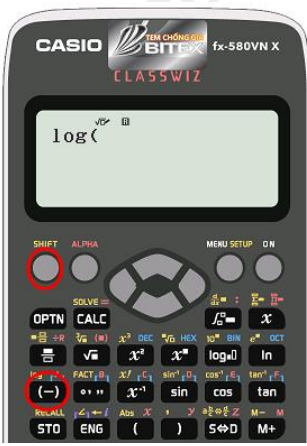





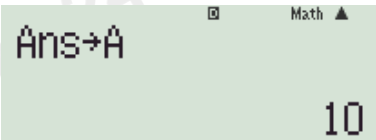









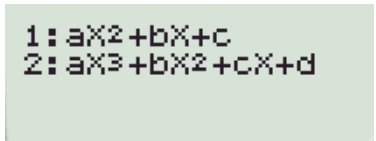


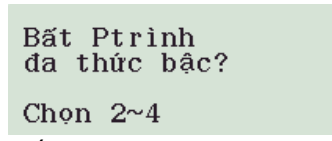
MÔN TOÁN: LỚP 12

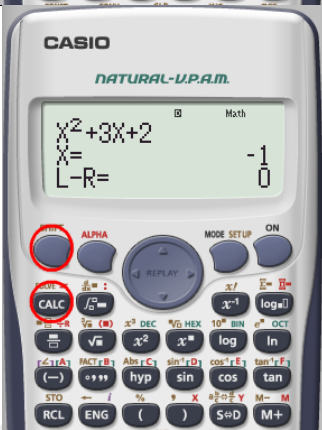
THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

STT	TÍNH NĂNG	FX 570 VN PLUS	FX 580 VN X
1	Giải phương trình, hệ phương trình	<p>Ấn MODE 5</p> <p><i>Giải hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn</i></p> <p><i>Giải hệ 3 phương trình bậc nhất 3 ẩn</i></p> <p><i>Giải phương trình bậc hai 1 ẩn</i></p> <p><i>Giải phương trình bậc ba 1 ẩn</i></p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;"> <p>1: $ax+by=c$ 2: $ax+by+cz=d$ 3: $ax^2+bx+c=0$ 4: $ax^3+bx^2+cx+d=0$</p> </div>	<p>Ấn MENU 9</p> <p><i>Giải hệ phương trình</i></p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;"> <p>Simul Equation Number of Unknowns? Select 2~4</p> </div> <p><i>Ấn phím 2, 3, 4 tương ứng với các chức năng Giải hệ 2, 3, 4 phương trình bậc nhất 2, 3, 4 ẩn</i></p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;"> <p>1: Simul Equation 2: Polynomial</p> </div> <p><i>Giải phương trình</i></p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;"> <p>Polynomial Degree? Select 2~4</p> </div> <p><i>Ấn phím 2, 3, 4 tương ứng với giải phương trình bậc 2, 3, 4 một ẩn</i></p>
2	Table Sau khi ấn MODE 7 hoặc MENU 8 thực hiện các bước như nhau.	<p>Ấn MODE 7</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;"> <p>M Math f(x)=</p> </div>	<p>Ấn MENU 8</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;"> <p>\sqrt{x} Math f(x)=</p> </div>

<p>3</p>	<p>CALC Cách dùng chức năng ở 2 máy này giống nhau. B1: Nhập biểu thức B2: Ấn phím CACL B3: Nhập giá trị X B4: Ấn phím =</p>		
<p>4</p>	<p>Tính tích có hướng 2 vector</p>	<p>B1: Ấn MODE 8 1 1 Nhập giá trị vector A (ấn = liên tục để nhập giá trị)</p>  <p>B2: Ấn SHIFT 5 1 2 1 Nhập giá trị vector B (ấn = liên tục để nhập giá trị)</p>  <p>B3: Ấn AC B4: Ấn SHIFT 5 3 × SHIFT 5 4 B5: Ấn = và thu được kết quả</p> 	<p>B1: Ấn MENU 5 1 3 Nhập giá trị vector A (ấn = liên tục để nhập giá trị)</p>  <p>B2: Ấn AC B3: Ấn OPTN 2 2 3 Nhập giá trị vector B (ấn = liên tục để nhập giá trị)</p>  <p>B4: Ấn AC B5: Ấn OPTN 3 × OPTN 4 B6: Ấn = và thu được kết quả</p> 

5	Tích vô hướng của 2 vector	<p>Thực hiện các bước giống tích có hướng.</p> <p>Ở Bước 4: Thay dấu \times bởi SHIFT 5 7 để gọi Dot</p> 	<p>Thực hiện các bước giống tích có hướng.</p> <p>Ở Bước 5: Thay dấu \times bởi OPTN ▼ 2 để gọi Dot</p> 								
6	Tìm cực trị, giá trị cực trị của hàm đa thức bậc ba	KHÔNG CÓ	<p>B1: Ấn MENU 9 2 3 để chọn phương trình bậc 3.</p> <p>B2: Nhập các hệ số của phương trình</p>  <p>B3: Ấn = liên tục</p> <table border="1" data-bbox="1332 662 1937 893"> <tr> <td>Cực đại của $y=ax^3+bx^2+cx+d$ $x=$</td> <td>Cực đại của $y=ax^3+bx^2+cx+d$ $y=$</td> </tr> <tr> <td>-1</td> <td>$\frac{6068}{3}$</td> </tr> <tr> <td>Cực tiểu của $y=ax^3+bx^2+cx+d$ $x=$</td> <td>Cực tiểu của $y=ax^3+bx^2+cx+d$ $y=$</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>2012</td> </tr> </table>	Cực đại của $y=ax^3+bx^2+cx+d$ $x=$	Cực đại của $y=ax^3+bx^2+cx+d$ $y=$	-1	$\frac{6068}{3}$	Cực tiểu của $y=ax^3+bx^2+cx+d$ $x=$	Cực tiểu của $y=ax^3+bx^2+cx+d$ $y=$	3	2012
Cực đại của $y=ax^3+bx^2+cx+d$ $x=$	Cực đại của $y=ax^3+bx^2+cx+d$ $y=$										
-1	$\frac{6068}{3}$										
Cực tiểu của $y=ax^3+bx^2+cx+d$ $x=$	Cực tiểu của $y=ax^3+bx^2+cx+d$ $y=$										
3	2012										
7	Trị tuyệt đối hoặc môđun số phức										
8	Số phức liên hợp	<p>B1: Ấn MODE 2</p> <p>B2: Ấn SHIFT 2 2</p>	<p>B1: Ấn MENU 2</p> <p>B2: Ấn OPTN 2</p>								

		<p>B3: Nhập số phức</p>  <p>B4: Ấn </p>	<p>B3: Nhập số phức</p>  <p>B4: Ấn </p>
9	Lôgarit thập phân	<p>Ấn </p> 	<p>Ấn  </p> 
10	Gán giá trị	<p>Ví dụ: Gán giá trị 10 cho biến A</p> <p>Ấn     </p> 	<p>Ví dụ: Gán giá trị 10 cho biến A</p> <p>Ấn     </p> 
11	Giải bất phương trình	<p>Ấn   </p>  <p>Ấn 1 nếu muốn giải bất phương trình bậc hai. Ấn 2 nếu muốn giải bất phương trình bậc ba.</p>	<p>Ấn  </p>  <p>Ấn 2 nếu muốn giải bất phương trình bậc hai. Ấn 3 nếu muốn giải bất phương trình bậc ba. Ấn 4 nếu muốn giải bất phương trình bậc bốn.</p>

12	Tích phân, tính đạo hàm tại 1 giá trị		
13	Dò nghiệm B1: Nhập phương trình B2: Ấn SHIFT CALC B3: Nhập giá trị gán cho X B4: Ấn =		
14	Tìm phần thực, phần ảo của số phức	KHÔNG CÓ	B1: Ấn MENU 2 B2: Ấn OPTN <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;"> 1: Argumen 2: Số phức liên hợp 3: Phần thực 4: Phần ảo </div> B3: Chọn 3 nếu muốn tìm phần thực, chọn 4 nếu muốn tìm phần ảo. B4: Nhập số phức B5: Ấn =

Tài liệu sẽ được tiếp tục cập nhật và bổ sung!